

Số: 2 6 7 8/NĐND-KHĐTVT

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời các đơn vị/ Quý công ty có năng lực và kinh nghiệm tham gia chào giá cung cấp hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

- Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV;
- Tên đơn hàng: Cung cấp vật liệu chịu lửa các loại phục vụ SCTX năm 2026
- Số hiệu đơn hàng: 06- MSVT- NĐND-2026
- Thời gian phát hành Hồ sơ mời chào giá: Từ thời điểm Hồ sơ mời chào giá được đăng tải trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>) đến trước 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 11 năm 2025;
- Địa điểm phát hành Hồ sơ mời chào giá: Hồ sơ được phát hành miễn phí tại Mục: Thông tin đấu thầu trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<http://www.vinacomin.vn>) và website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<https://dienluctkv.vn>) hoặc tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);
- Địa điểm nhận Hồ sơ chào giá: Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);
- Thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá: 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 11 năm 2025;
- Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

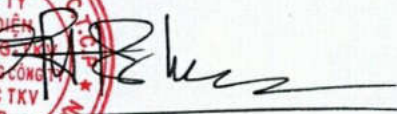
Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp nộp hồ sơ chào giá tới tham dự lễ mở hồ ở chào giá vào thời điểm và địa điểm nêu trên.

Trân trọng. 

Nơi nhận: 

- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để ph/h);
- Tổ tư vấn (e-copy, để t/h);
- Lưu: TCHC, KHĐTVT, NQ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Trần Việt Anh

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV**

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: Cung cấp vật liệu chịu lửa các loại phục vụ SCTX năm 2026

Số hiệu đơn hàng: 06-MSVT-NĐND-2026

Phát hành ngày:....../11/2025

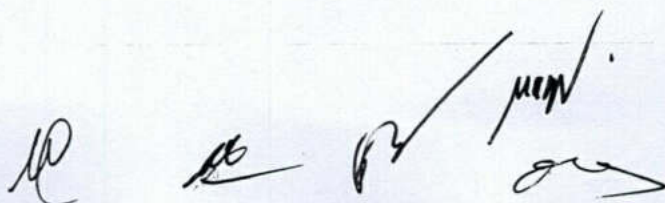
**ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO GIÁ
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Dương

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Từ/cụm từ	Giải nghĩa
ĐLTKV	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP
Bên mời chào giá	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV
HSMCG	Hồ sơ mời chào giá
HSCG	Hồ sơ chào giá
VND	Đồng Việt Nam
NCC	Nhà cung cấp tham gia chào giá



Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Bên mời chào giá

1. Tên Bên mời chào giá: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV.
2. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp tham gia chào giá rộng rãi Đơn hàng: Cung cấp vật liệu chịu lửa các loại phục vụ SCTX năm 2026.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2026.

Mục 2. Các yêu cầu về vật tư

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có), v.v...

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

- Bản giới thiệu về nhà cung cấp;

- Báo cáo tài chính năm 2024 (bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 hoặc báo cáo tài chính năm 2024 nộp cho cơ quan thuế qua mạng kèm theo xác nhận của cơ quan thuế về việc đã nộp báo cáo tài chính), trong đó doanh thu từ hoạt động SXKD năm 2024 tối thiểu là: **840.000.000 VNĐ** và giá trị tài sản ròng năm 2024 của NCC > 0;

- Yêu cầu về hợp đồng tương tự: Hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá. Trong đó hợp đồng tương tự là:

+ Có tính chất tương tự: Cung cấp vật tư, hàng hóa cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (Trường hợp nhà cung cấp kê khai hợp đồng có bao gồm cả phần dịch vụ thì chỉ được xem xét phần giá trị hàng hóa mà nhà cung cấp đã thực hiện trong hợp đồng đó).

+ Có quy mô (giá trị) tối thiểu: **280.000.000 đồng**.

+ Trường hợp nhà cung cấp kê khai hợp đồng cung cấp vật tư, hàng hoá không phải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hoá giữa các đơn vị kinh doanh thương mại) thì nhà cung cấp phải cung cấp tối thiểu 02 hợp đồng đáp ứng yêu cầu về quy mô (giá trị) tối thiểu theo quy định. Nhà cung cấp chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý đối với các thông tin, tính xác thực của các hợp đồng đã hoàn thành được kê khai.

ll *✓* *ax* *mu* *gu*

(Nhà cung cấp phải nộp bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của hợp đồng và kèm theo một trong các tài liệu sau đây để chứng minh hợp đồng đã hoàn thành: hóa đơn (kèm theo bảng tổng hợp giá trị hoàn thành), biên bản nghiệm thu hàng hoá, biên bản thanh lý hợp đồng, ...)

4. Bên mời chào giá có thể chấp nhận nhà cung cấp là đơn vị một độc lập hoặc liên danh giữa các nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a) Giá chào:

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

b) Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào Đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c) Nhà cung cấp có thể chào cho một, một phần hoặc toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc giao hàng (nếu có).

b) Thời gian giao hàng: Không quá thời gian được quy định tại Mục 2. Tiến độ cung cấp, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng.

3. Thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

c) Thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng có khấu trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên bán (nếu Bên bán cung cấp bảo lãnh bảo hành của ngân hàng tương đương 5% giá trị thực hiện) Hoặc thanh toán 95% giá trị thực hiện của từng đợt giao hàng có khấu trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên bán (nếu Bên bán không cung cấp bảo lãnh bảo hành tương đương 5% giá trị thực hiện) trong vòng 45 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ tết) kể từ ngày Bên bán bàn giao đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định. *Đính kèm mẫu biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán*

Khi hết thời hạn bảo hành Bên mua sẽ thanh toán 5% giá trị bảo hành cho Bên Bán trong vòng 45 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7, chủ nhật, lễ tết) kể từ ngày Bên Bán bàn giao biên bản xác nhận hết thời gian bảo hành và văn bản đề nghị thanh toán. *Đính kèm mẫu biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán.*

d) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán do Bên bán phát hành;
- Hóa đơn tài chính;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa (*quy định tại phụ lục 2*);
- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).
- Bảo lãnh bảo hành (Nếu có).

4. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam.

3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và 03 bản chụp Hồ sơ chào giá (**Kèm theo USB bản mềm Excel bảng giá chào của hàng hoá**) bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời

chào giá với đúng giá đã chào.

2. Bảo đảm tham gia chào giá theo hình thức nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá

- Giá trị của Bảo đảm tham gia chào giá: không thấp hơn **8.000.000 đồng** (Bằng chữ: Tám triệu đồng chẵn).

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tham gia chào giá là 90 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Trường hợp Nộp bảo lãnh bằng chuyển khoản cụ thể như sau:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV

Số tài khoản: 351 000 7744 Tại Ngân hàng BIDV tỉnh Lạng Sơn

Nội dung: Nộp bảo đảm tham gia chào giá đơn hàng Cung cấp vật liệu chịu lửa các loại phục vụ SCTX năm 2026- Số hiệu đơn hàng: 06-MSVT-NĐND-2026.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

4. Bản kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng,... theo Mẫu số 03, Chương III - Biểu mẫu.

5. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ theo Mẫu số 04, Chương III - Biểu mẫu.

6. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

7. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III - Biểu mẫu.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá phải được nộp trong phong bì dán kín, có niêm phong về địa chỉ: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) bằng hình thức chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp không muộn hơn **10 giờ 00 phút, ngày tháng 11 năm 2025**. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét. Trường hợp nộp trực tiếp thì người nộp Hồ sơ chào giá phải xuất trình giấy giới thiệu của nhà cung cấp cử đi nộp Hồ sơ chào giá và chứng minh nhân dân/căn cước công dân/căn cước của bản thân.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) vào hồi 10 giờ 30 phút, tháng 11 năm 2025. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào

việc có mặt hay không của các nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, cụ thể:

a) Hồ sơ chào giá có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu quy định tại Mục 6, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

b) Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

c) Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tư cách pháp nhân được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Mục 3, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

d) Có đơn chào hàng được đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được uỷ quyền) của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

e) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng giá chào của hàng hóa, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá; Giá chào phải tuân thủ các Khoản 1, Mục 4, Chương I - Yêu cầu về hồ sơ chào giá.

f) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá.

Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật. Hồ sơ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí sau được đánh giá là đạt:

Stt	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
1	Quy cách, đặc tính kỹ thuật của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá	Có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Không có quy cách, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu chứng minh có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng
2	Nguồn gốc, xuất xứ của từng chủng loại hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp hàng hoá <i>(chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng được quy cách, đặc tính kỹ thuật)</i>	Hàng hoá chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ	Hàng hoá chào không thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ
3	Tính hợp lý và hiệu	Có Phương án cung cấp,	Không có Phương án cung

Stt	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
	quả kinh tế của phương án cung cấp vận chuyển hàng hoá	vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp	cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp
4	Bảo hành	Có thời gian bảo hành đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Không có thời gian bảo hành hoặc có nhưng không đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng
5	Địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa (<i>chỉ đánh giá đối với hàng hóa đáp ứng quy cách, đặc tính kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ</i>)	Có đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá	Không đề xuất địa điểm, tiến độ cung cấp (thời gian giao hàng) hàng hóa đáp ứng được yêu cầu tại điểm (a) và (b), Khoản 2. Địa điểm và thời gian giao hàng, Mục 4. Các yêu cầu về thương mại, Chương I - Yêu cầu về Hồ sơ chào giá
6	Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng	Có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu	Không có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu

4. Đánh giá về giá:

Đối với các Hồ sơ chào giá được đánh giá hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì sẽ được xem xét về giá đối với các hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

- Cách xác định đơn giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng chủng loại hàng hóa tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định đơn giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v...

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Đối với đơn hàng có nhiều hạng mục thì việc đánh giá sẽ theo nguyên tắc so sánh từng hạng mục giống nhau hoặc tương đương để xếp hạng các Hồ sơ chào giá.

Mục 11. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp hàng hóa khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong HSMCG;
2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các hồ sơ chào giá từ thấp nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Ghi chú: Mặc dù đã được quy định như trên, để đảm bảo nguồn cung cấp vật tư kịp thời phục vụ sản xuất, Bên mời chào giá có quyền lựa chọn nhiều hơn 01 nhà cung cấp và Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc đơn hàng có nhiều hạng mục hoặc có một hạng mục nhưng số lượng lớn.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư

Mục 13. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

334-00
: TY
ĐIỆN
: G-TKV
NG CÔNG
: C TKV
: P
T.LANG

(Handwritten signatures and marks)

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật

- Tên đơn hàng: Cung cấp vật liệu chịu lửa các loại phục vụ SCTX năm 2026.
- Số hiệu đơn hàng: 06-MSVT-NĐND-2026.
- Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa:



Handwritten signatures and initials at the bottom of the page.

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Mã/ model hàng hoá	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bê tông chịu lửa (loại ghép cốt pha)	Tấn	22	RSC-M60S15F hoặc tương đương	- Nhiệt độ làm việc (Manufacture's Use Limit Temp): ≥ 1.650 độ C - Mật độ thể tích (Bulk Density): $2.240 \div 2.640$ kg/m³ - Cường độ kháng nứt gãy (Modulus of Rupture): ≥ 100 kg/cm² - Hệ số biến dạng nhiệt vĩnh cửu (Permanent Linear Change): $0 \div -0,5$ (%) - Cường độ phá vỡ ở trạng thái lạnh (Cold Crushing Strength): ≥ 700 kg/cm² - Độ mài mòn (Abrasion Resistance): ≤ 10 (Loss - cm³) - Hệ số truyền nhiệt (Thermal Cond): 1,08 (425°C W/m²K)	≥ 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ hoặc COC hoặc Test Report); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
2	Bê tông chịu lửa (loại đắp tay)	Tấn	2	RSC-S70 hoặc tương đương	- Nhiệt độ làm việc (Manufacture's Use Limit Temp): ≥ 1.315 độ C - Mật độ thể tích (Bulk Density): $2.160 \div 2.650$ kg/m³ - Cường độ kháng nứt gãy (Modulus of Rupture): ≥ 100 kg/cm² - Hệ số biến dạng nhiệt vĩnh cửu (Permanent	≥ 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ hoặc COC hoặc Test Report); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Mã/ model hàng hoá	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Linear Change): $0 \div -0,5$ (%) - Cường độ phá vỡ ở trạng thái lạnh (Cold Crushing Strength): ≥ 525 kg/cm ² - Độ mài mòn (Abrasion Resistance): $\leq 12,0$ (Loss - cm ³) - Hệ số truyền nhiệt (Thermal Cond): 1,08 (425°C W/m ² K)		- Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
3	Bê tông xốp chịu lửa	Tấn	1	Mã hiệu: RSC-130IS hoặc tương đương	- Thông số kỹ thuật chính: + Nhiệt độ làm việc (Manufacture's Use Limit Temp): ≥ 1.094 °C; + Mật độ thể tích (Bulk Density): $400 \div 720$ kg/m ³ ; + Hệ số biến dạng nhiệt vĩnh cửu (Permanent Linear Change): $0 \div -0,9$ (%); + Cường độ phá vỡ ở trạng thái lạnh (Cold Crushing Strength): ≥ 07 kg/cm ² ; + Hệ số truyền nhiệt (Thermal Cond): 0,22 (425°C W/m ² K).	≥ 12 tháng	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ hoặc COC hoặc Test Report); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
4	Râu thép	Cái	20	I-40 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Mã/ model hàng hoá	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							sản xuất
5	Râu thép	Cái	50	I8-40 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
6	Râu thép	Cái	100	V8-40 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
7	Râu thép	Cái	28	YA8-110 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
8	Râu thép	Cái	20	YA8-130 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
9	Râu thép	Cái	8	YA10-160 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
10	Râu thép	Cái	40	YAΦ10-100 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
11	Râu thép	Cái	20	YA10-160	Vật liệu SUS310	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Mã/ model hàng hoá	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				SUS310;	Theo bản vẽ đính kèm	cầu	giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
12	Râu thép	Cái	6	YA12-230 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
13	Râu thép	Cái	10	YA12-280 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
14	Râu thép	Cái	5	YE12-450 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
15	Râu thép	Cái	2	YE12-500 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
16	Râu thép	Cái	5	YF12-550 SUS310;	Vật liệu SUS310 Theo bản vẽ đính kèm	Không yêu cầu	Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất
17	Bông gốm	Cuộn	3	Ceramic fiber 12000x610x5		Không yêu cầu	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO);

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Mã/ model hàng hoá	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				mm			giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
18	Thép tròn đặc	mét	200	kích thước Ø10mm;	vật liệu SUS310 Kích thước: D10x6000mm	Không yêu cầu	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
19	Bông gốm cách nhiệt (Ceramic fiber)	Cuộn	5	Kích thước: 7200x 610x20mm /cuộn; - Khả năng chịu nhiệt		Không yêu cầu	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Mã/ model hàng hoá	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian bảo hành	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về quy cách, đặc tính kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				1050÷1800oC			chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
20	Bông gốm cách nhiệt (Ceramic fiber)	Cuộn	5	Kích thước: 3600x 610x50mm /cuộn; - Khả năng chịu nhiệt: 1050÷1800oC		Không yêu cầu	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa
21	Bông khoáng chịu nhiệt	Kiện	10	Kích thước: 1200x600x 100mm		Không yêu cầu	- Đối với hàng nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); giấy chứng nhận chất lượng (CQ); - Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất - Hoặc cái tài liệu khác chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa

Mục 2. Tiến độ cung cấp

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bê tông chịu lửa (loại ghép cốt pha)	Tấn	22	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
2	Bê tông chịu lửa (loại đắp tay)	Tấn	2	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
3	Bê tông xốp chịu lửa	Tấn	1	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
4	Râu thép	Cái	20	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
5	Râu thép	Cái	50	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
6	Râu thép	Cái	100	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
7	Râu thép	Cái	28	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
8	Râu thép	Cái	20	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
9	Râu thép	Cái	8	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
10	Râu thép	Cái	40	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
11	Râu thép	Cái	20	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
12	Râu thép	Cái	6	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

Stt	Danh mục hàng hóa (tên hàng hóa, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật...)	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Râu thép	Cái	10	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
14	Râu thép	Cái	5	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
15	Râu thép	Cái	2	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
16	Râu thép	Cái	5	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
17	Bông gốm	Cuộn	3	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
18	Thép tròn đặc	mét	200	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
19	Bông gốm cách nhiệt (Ceramic fiber)	Cuộn	5	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
20	Bông gốm cách nhiệt (Ceramic fiber)	Cuộn	5	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)
21	Bông khoáng chịu nhiệt	Kiện	10	07 ngày	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn)

1042
C
NH
IA DL
NHÂN
BIỆN
C
ĐINH

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện đơn hàng [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian.....ngày, kể từ ngày...
[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. To the right, there is a red circular official stamp, partially visible, containing the text 'T.Đ.Đ.Đ.' and 'T.Đ.Đ.Đ.'.

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Stt	Danh mục hàng hoá	ĐVT	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nhà sản xuất, xuất xứ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ)	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền sau thuế (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	$(9) = (7) * [1 + (8)/100]$	$(10) = (4) * (9)$
1	Hàng hoá thứ 1								M1
2	Hàng hoá thứ 2								M2
...	...								...
n	Hàng hoá thứ n								Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)									$M = M1 + M2 + \dots + Mn$

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký, họ tên, đóng dấu]

* Lưu ý:

- Giá gói cung cấp được phê duyệt đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%. Để đảm bảo công bằng cho tất cả

các nhà cung cấp trong quá trình đánh giá về giá đối với các hồ sơ chào giá, đề nghị các nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10% và công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và không công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào thì được hiểu là giá chào của nhà cung cấp đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và công bố mức thuế suất thuế GTGT khác 10% thì khi đánh giá về giá đối với hồ sơ chào giá của nhà cung cấp đó, Bên mời chào giá sẽ hiệu chỉnh thuế GTGT trong giá chào của nhà cung cấp về mức thuế suất 10%.

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá vật tư, hàng hoá không bao gồm thuế GTGT thì hồ sơ chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Handwritten signatures and marks in the bottom left corner.

Handwritten signature in the center.



CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng:.....[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng:.....[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

1. Giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

b) Khối lượng giao nhận: Giao theo nhu cầu thực tế của Bên mua. Khi có nhu cầu sử dụng vật tư, hàng hóa, Bên mua sẽ có văn bản thông báo cấp hàng cho Bên bán.

c) Phương án cung cấp, vận chuyển vật tư, hàng hóa: Bên bán phải thực hiện công tác vận chuyển, nâng hạ, bốc xếp hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua tại vị trí giao nhận.

2. Thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

c) Thời hạn thanh toán:

d) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn tài chính;
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
- Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
- Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).
- Bảo lãnh bảo hành (nếu có).

3. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.



BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của hàng hóa được chào giá.

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1						
2	Hàng hoá thứ 2						
							
n	Hàng hoá thứ n						

29703
 CÔNG T
 HIỆT Đ
 ỨNG
 TÓNG
 LỤC T
 CTCP
 H-T.L

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng:

1. Tên hàng và khối lượng: theo nhu cầu của Bên mua; khi có nhu cầu, Bên mua sẽ gửi thông báo cấp hàng cho Bên bán.
2. Nhà sản xuất:
3. Xuất xứ:
4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%.
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: theo Bản kê chi tiết danh mục hàng hóa.

II. Hình thức hợp đồng:

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

III. Giá cả và phương thức thanh toán:

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:
2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
3. Bộ chứng từ thanh toán:
 - Văn bản đề nghị thanh toán;
 - Hóa đơn tài chính;
 - Biên bản kiểm nghiệm vật tư;
 - Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa;
 - Biên bản thanh toán hợp đồng (áp dụng trong trường hợp thanh toán cho từng đợt giao hàng);
 - Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (áp dụng sau khi hợp đồng được thực hiện hoàn thành).

IV. Giao hàng:

1. Địa điểm giao nhận: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm nâng hạ hàng và chịu các chi phí phát sinh liên quan đến việc nâng - hạ hàng tại nơi giao hàng (nếu có).

2. Thời gian giao hàng: thời gian giao hàng không quá thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật, Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng kể từ ngày Bên bán nhận được thông báo cấp hàng của Bên mua.

3. Xác định khối lượng giao nhận:

- Phương pháp: Đo kiểm và đếm trực tiếp.
- Địa điểm xác định khối lượng: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác khi có yêu cầu của Bên mua.



4. Xác định chất lượng:

- Phương pháp: thông qua nhãn mác, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa của Bên bán hoặc thông qua một đơn vị giám định độc lập có chức năng theo yêu cầu của Bên mua.

- Địa điểm xác định chất lượng: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc địa điểm khác do hai bên thỏa thuận trong quá trình thực hiện hợp đồng.

V. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

1. Bên bán phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% tổng giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh cho đến hết thời gian thực hiện của hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mua khi Bên bán không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mua; Bên bán thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên mua phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên bán trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên bán hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hai bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư.

VI. Bảo hành:

- Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư.

- Hình thức và giá trị bảo đảm bảo hành: bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá hoặc Bên mua sẽ giữ lại 5% giá trị thực hiện hợp đồng.

- Trong thời gian bảo hành nếu phát hiện hàng hóa do lỗi của nhà sản xuất, Bên bán phải tiến hành sửa chữa ngay cho Bên mua trong thời gian 07 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.

- Trường hợp không thể khắc phục sửa chữa thì Bên bán phải thay thế bằng hàng hóa mới cho Bên mua trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.

VII. Phạt vi phạm hợp đồng:

a) Phạt chậm thanh toán: Không áp dụng

b) Phạt chậm giao hàng:

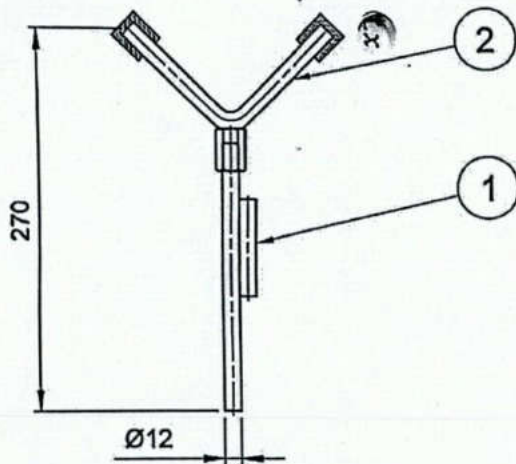
- Bên bán vi phạm về thời gian giao hàng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên mua gây ra, thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày giao hàng chậm, nhưng toàn bộ số tiền phạt chậm không được vượt quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Bên bán vi phạm không thực hiện toàn bộ hoặc không thực hiện một phần của hợp đồng (không giao hoặc giao hàng không đúng số lượng, chủng loại) theo quy định thì Bên bán phải bồi thường cho Bên mua một khoản bằng 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

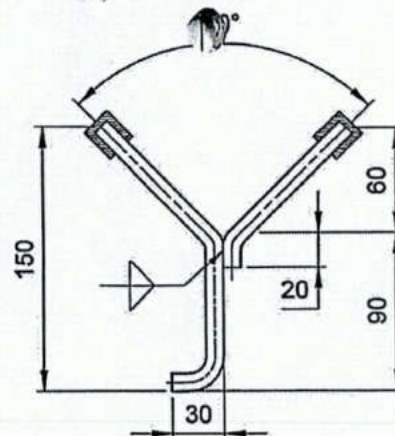
VIII. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

Bên bán có trách nhiệm cung cấp các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về bảo quản hàng hóa trước khi sử dụng và bố trí cán bộ kỹ thuật hướng dẫn Bên mua trong quá trình thi công, lắp đặt hàng hóa do Bên bán cung cấp (khi có yêu cầu của Bên mua).

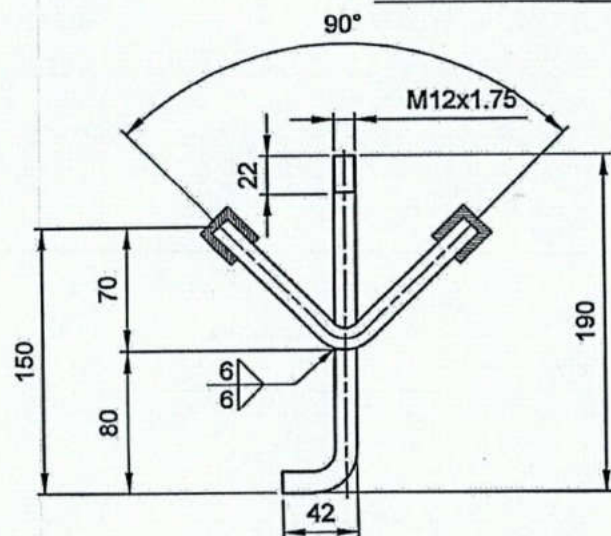
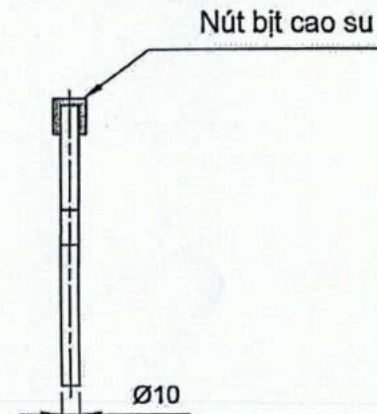




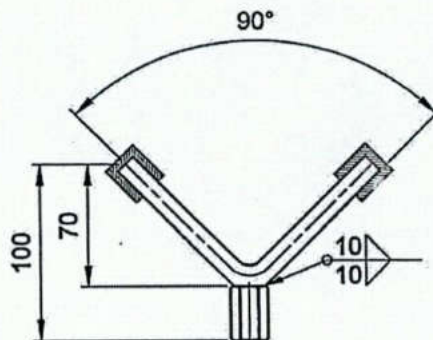
Chi tiết YFØ12-270



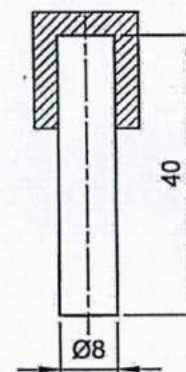
Chi tiết YAØ10-150



Chi tiết -1-



Chi tiết -2-

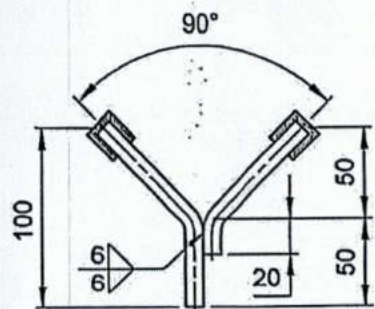


Chi tiết I8

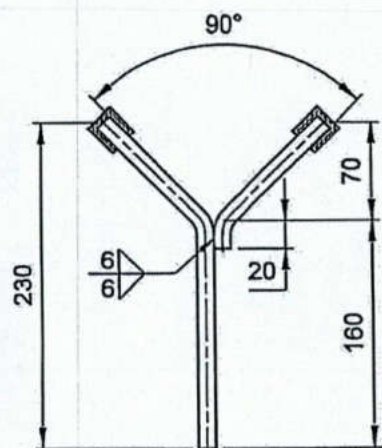
YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Vật liệu: SUS310
2. Các mối hàn không nứt rỗ, ngậm xỉ
3. Tất cả các đầu mút phải có nút bịt cao su

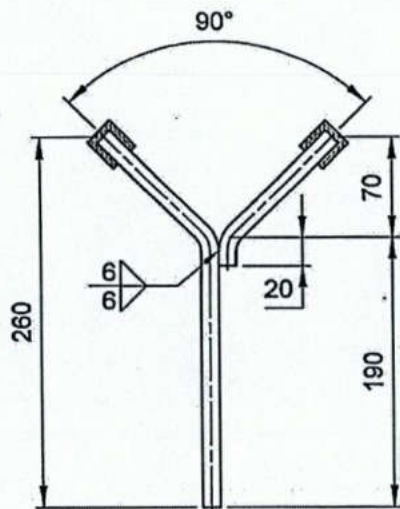
Chức năng	Họ và tên	Ngày	NEO THÉP BÊ TÔNG	
Người duyệt	Nguyễn Đức Dương			
Người kiểm tra	Dương Thế Nghĩa			
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt			
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV			Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-LH 1.25	Sửa đổi:
			Ngày: 10/12/2024	Tỷ lệ:
				Số:



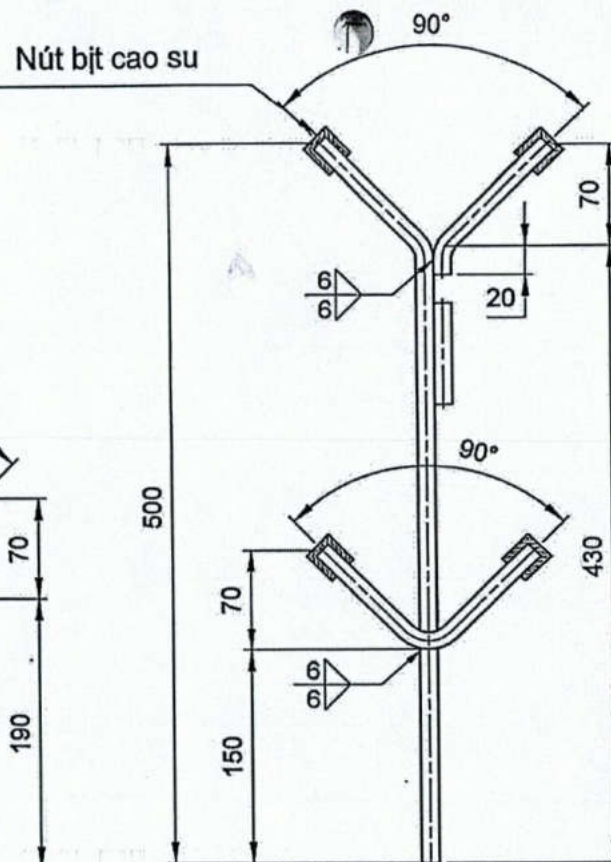
YAØ10-100



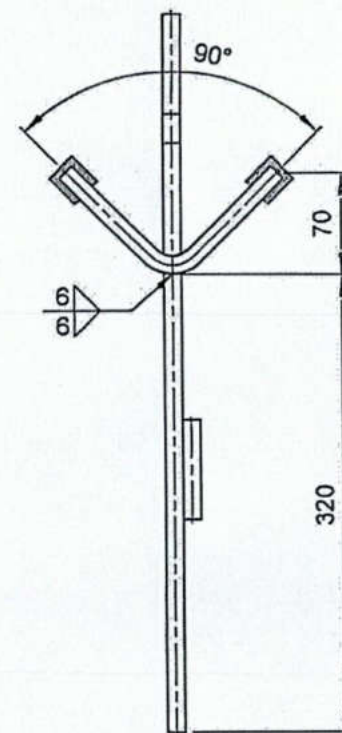
YAØ12-230



YAØ12-260



YAØ12-500



YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Vật liệu: SUS310
2. Các mối hàn không nứt rỗ, ngậm xỉ
3. Tất cả các đầu mút phải có nút bịt cao su

Chức năng	Họ và tên	Ngày	NEO THÉP BÊ TÔNG	
Người duyệt	Nguyễn Đức Dương			
Người kiểm tra	Dương Thị Ngọc			
Người vẽ	Đàm Quốc Đạt			
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV			Số bản vẽ: ND-C01-M-PKT-LH 127	Sửa đổi:
			Ngày: 10/12/2024	Tỷ lệ:
				Số: